TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2023/DS-PT

Ngày: 28/8/2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi và hủy quyết định cá biệt.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Trương Minh Tuấn**

ông **Phạm Tồn**

***- Thư ký phiên tòa*:** bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại, công khai xin lỗi và huỷ quyết định cá biệt*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2934/2023/QĐPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Võ Văn C, sinh năm 1965;

Địa chỉ: số A N, tổ B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Công M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số B N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Võ Kim L (G), sinh năm 1952;

Địa chỉ: số C T, khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại điện theo ủy quyền của bà Đặng Thị X: Ông Trần Công M, sinh năm 1962; địa chỉ: số B N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3.2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1955. Vắng mặt.

3.3. Anh Võ Văn N, sinh năm 1982. Vắng mặt.

3.4. Anh Võ Văn A, sinh năm 1983. Vắng mặt.

3.5. Anh Võ Văn H, sinh năm 1991. Có mặt.

3.6. Chị Võ Thị Hoàn M1, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số C T, khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

3.7. Ông Võ Văn B, sinh năm 1968; địa chỉ: Khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn N*, anh* Võ Văn A*, anh* Võ Văn H*, chị* Võ Thị Hoàn M1 *và ông* Võ Văn B*:* ông Võ Kim L.

3.8. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1: ông Nguyễn K, sinh năm 1956, cùng địa chỉ: khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.9. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối phố C, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc A1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3.10. Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Đức C1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là ông Võ Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn trình bày:

Năm 1997, ông Võ Văn C và bà Đặng Thị X nhận chuyển nhượng của hộ ông Võ Kim L 300m^2 đất *(chiều ngang 5m, chiều dài 60m, vị trí phía Bắc khu vườn),* giá trị chuyển nhượng là 5,5 cây vàng; hai bên lập giấy nhượng đất ngày 16 tháng 7 năm 1997, giấy nhận vàng ngày 01 tháng 5 năm 1998. Giao dịch này được Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 131/QĐ – UB ngày 10 tháng 3 năm 1998 công nhận việc chuyển nhượng 150m^2 đất *(bao gồm cả đất tạm giao),* thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3/HTX1, tại xã Đ, vị trí đất: phía Đông giáp đường F *(5m),* phía Bắc giáp mương tiêu *(40m),* phía Tây giáp thửa số 23 *(5m),* phía Nam giáp thửa đất số 24 *(40m).* Năm 2000, toàn bộ thửa đất này nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng mương thoát

nước từ Khu công nghiệp Đ - Đ ra sông T, tuy nhiên, sau khi thi công xong mương nước thì thửa đất này không bị ảnh hưởng. Năm 2006, cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế phần đất của ông Võ Kim L, giao phần đất cưỡng chế cho Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý và năm 2008, ông Võ Văn C được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m^2, tại thôn C, xã Đ, huyện Đ. Năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi của ông C 41,5m^2 đất thuộc thửa đất 24a. Ông C cho rằng ông L đã chiếm dụng đất nên yêu cầu Tòa án buộc ông L trả lại toàn bộ thửa đất 158,5m^2 đất thuộc thửa số 24a, tờ bản đồ số 03, tại khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam *(diện tích đất trên thực tế nguyên đơn đã dẫn đo sau xem xét, thẩm định là 152,7m^2 - vị trí số 2 trên bản vẽ).*

Phía bị đơn trình bày:

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C năm 1997 là đúng. Trước khi chuyển nhượng, diện tích đất của vợ chồng ông C thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, do ông hộ ông L kê khai, đăng ký. Sau khi chuyển nhượng, năm 2001, Ủy ban nhân dân thị xã Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L diện tích 2.636m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, thửa đất này sau đó bị thu hồi 95,5m^2 để thực hiện dự án xây dựng mương thoát nước và 358,4m^2 để thực hiện dự án mở rộng đường ĐT607 và hộ ông L để lại 100m^2 để tiếp tục chuyển nhượng đất cho ông C. Diện tích đất hộ ông L chuyển cho ông C là giáp mương thoát nước, không phải diện tích đất mà ông C yêu cầu ông L trả ở vị trí số 2, đo đạc thực tế là 152,7m^2. Hơn nữa, việc cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C 200m^2 là chồng lấn sang thửa 24 của hộ ông L, sau khi chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông C thì ông L không lấn chiếm đất của họ mà hiện nay thửa đất số 24a thuộc vị trí số 1, có diện tích 135m^2. Do vậy, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông Võ Văn C chồng lấn với đất của ông L. Đối với các yêu cầu khác, ông L có ý kiến như sau:

Thứ nhất, về yêu cầu ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X và Ủy ban nhân dân thị xã Đ công khai xin lỗi gia đình ông trên phương tiện truyền thông, báo chí *(đăng* báo Trung ương E *số liên tiếp)* vì đã xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín do cưỡng chế trái pháp luật. Tại phiên tòa, ông L xác định yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Đ và các cá nhân, tổ chức liên quan đến việc cưỡng chế phải công khai xin lỗi.

Thứ hai, bị đơn giữ yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn C và Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông L số tiền 366.393.000 đồng và theo giá trị hiện nay do việc cưỡng chế gây ra. Ngoài ra, ông L không còn yêu cầu nào khác. Tại phiên tòa, ông L cho rằng quá trình xem xét, thẩm định, định giá tài sản do Tòa án thực hiện, đối với vị trí đất tranh chấp do nguyên đơn dẫn đo là không đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm như sau:

- Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã Đ cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C là đúng pháp luật; không đồng ý với các

yêu cầu phản tố của bị đơn; đề nghị áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do phía bị đơn đưa ra.

- Đại diện Ủy ban nhân dân phường Đ không có yêu cầu gì; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng pháp luật.

- Bà Đặng Thị X đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị pháp luật bảo vệ quyền lợi hợp pháp của vợ chồng bà.

- Các ông, bà Huỳnh Thị T, Võ Văn N, Võ Văn A, Võ Văn H, Võ Thị Hoàng M2 đồng ý với quan điểm của bị đơn; không có yêu cầu gì riêng.

- Ông Võ Văn B xác định tài sản của ông trên đất tranh chấp đã bị cơ quan có thẩm quyền tháo dỡ khi cưỡng chế. Tại phiên tòa, ông L đại diện cho ông B yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Đ, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cưỡng chế phải trả tài sản lại cho ông Võ Văn B.

- *Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* bản sao giấy nhượng đất, giấy nhận vàng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài liệu đăng ký, kê khai đất đai, trích lục bản đồ qua các thời kỳ liên quan đến đất tranh chấp; các tài liệu liên quan thủ tục xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế, bàn giao đất; các tài liệu liên quan thu hồi đất; các tài liệu liên quan đến quá trình hòa giải, giải quyết tranh chấp đất đai; biên bản hòa giải tại cơ quan có thẩm quyền; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quan điểm trình bày của các đương sự; biên bản công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục tố tụng tại Tòa án và các tài liệu liên quan khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ các điều 13, 26, 39, 34, 68, 72, 92, 192, 217, 221 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163, 208, 219, 221, 224 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 11, 19, 20 Điều 4, các điều 2, 9, 46, 50, 51, 73, 105, 106 Luật Đất đai năm 2003; các điều 5, 32, 39, 100, 101, 166, 167, 168, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 92 Nghị định 181/2004/NĐ – CP ngày 29 tháng 10 năm 2004; các điều 12, 45 Nghị định 186/2004/NĐ – CP ngày 05 tháng 11 năm 2004; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 2, Điều 17 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Võ Kim L (Giới) về việc buộc ông Võ Văn C liên đới với Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường thiệt hại cho ông Võ Kim L (Giới) 366.393.000 đồng và công khai xin lỗi ông Võ Kim L (Giới) do việc cưỡng chế trái pháp luật. Quyền khởi kiện của ông Võ Kim L (Giới) đối với yêu cầu này được đảm bảo khi có đủ điều kiện khởi kiện và còn thời hiệu theo pháp luật quy định.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn C về việc buộc bị đơn Võ Kim L (G) trả lại quyền sử dụng diện tích đất 158,5m^2

(diện tích trên thực địa là 152,7m^2), hiện do ông Võ Kim L (Giới) đang quản lý, sử dụng trong cùng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, tại thôn C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vị trí, tứ cận, diện tích đất tranh chấp được xác định trên bản vẽ kèm theo bản án).

3. Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Điện Bàn cấp cho ông Võ Văn C năm 2008, đối với thửa đất số 24A, tờ bản đồ số 3, tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Đ, kiểm tra toàn bộ quá trình thu hồi đất thực hiện Dự án mương thoát nước, lập hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C đối với thửa đất số 24A, tờ bản đồ số 3 và quá trình phát hiện, lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính, thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với ông Võ Kim L (Giới) để kết luận, xử lý đúng pháp luật, phù hợp với thực tế sử dụng đất của đương sự, đảm bảo quyền lợi của công dân và lợi ích của nhà nước, đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định, hành vi hành chính đã ban hành, thực hiện liên quan đến toàn bộ sự việc trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về quyền và nghĩa vụ thi hành án, và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 06/1/2023, nguyên đơn là ông Võ Văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn đề nghị bác toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong vụ án đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hợp lệ, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Các quyết định, hành vi tố tụng của cấp sơ thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]**.** Ngày 16 tháng 7 năm 1997, hộ ông Võ Kim L chuyển nhượng cho ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X 300m^2 đất *(chiều ngang 5m, chiều dài 60m)* thuộc vị trí phía Bắc khu vườn hộ ông L đang sử dụng, có tứ cận thể hiện trong Giấy nhận vàng lập ngày 01 tháng 5 năm 2018 là: phía Đông giáp đường F, *phía Bắc giáp mương tiêu*, phía Tây giáp đất màu thửa số 23, phía Nam giáp thửa đất số 24, cách quán ông B 0,54m. Trên cơ sở diện tích, vị trí đất chuyển nhượng này, sau khi xem xét theo các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 131/QĐ – UB ngày 10 tháng 3 năm 1998 để "Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất" 150m^2, loại đất vườn tạp, thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 3 *(*nằm trong 300m^2 đất mà hộ ông Võ Kim L thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X), kèm theo Quyết định này là trích lục bản đồ chuyển nhượng 200m^2*(*5x40; tạm giao 50m^2, chính thức 150m^2*),* trong đó phía Bắc của 200m^2 đất này giáp mương tiêu, dài 40m. Hai bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ, bàn giao đất theo giao dịch. Như vậy, diện tích đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định 131/QĐ – UB ngày 10 tháng 3 năm 1998 công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là thửa đất số 24a, thuộc một phần thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, có diện tích là 200m^2, chiều ngang 5m, chiều dài 40m, phía Bắc giáp mương tiêu.

[2.2]. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Đ và tài liệu, chứng cứ kèm theo thể hiện: thửa số 24, tờ bản đồ số 3 có nguồn gốc là thửa 261, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.150m^2, loại đất T và 750m^2 đất màu do ông Võ Kim L đăng ký tại trang 76, số thứ tự 434 của Sổ Đăng ký ruộng đất do Ủy ban nhân dân xã Đ lập năm 1995; theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP, hộ ông L đăng ký thửa 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.636m^2 tại Sổ địa chính quyển số 1, trang 184, được Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 30 tháng 11 năm 1999 *(BL 225, 226, 227),* trích sao bản đồ lập ngày 24 tháng 12 năm 1999 thể hiện phía Bắc thửa đất số 24 có thửa 24A, diện tích 200m^2, do ông Võ Văn C đăng ký *(BL 224, 225).* Năm 2001, hộ ông Võ Kim L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.636m^2.

Theo đó: thời điểm 1985 (đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg), vườn ở của hộ ông Võ Kim L có diện tích 1900m^2 (1150 + 750), thuộc thửa 261, tờ bản đồ số 4 (diện tích thể hiện trong bản đồ - BL 24 là 1150m^2, phía Bắc của thửa 261 giáp đường mương); trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, thửa đất của hộ ông L biến động tăng diện tích lên 2.836m^2 (gồm thửa 24 và 24a sau này), sau khi chuyển nhượng cho ông C và đăng ký theo Nghị định 64/CP, thửa 261 biến động thành thửa 24 và thửa 24a, trong đó vườn ở của hộ ông L đổi thành thửa số 24, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.636m^2 và hình thành nên thửa 24a, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m^2, do ông Võ Văn C đăng ký, ở vị trí phía Bắc thửa 24. Tại thời điểm hình thành thửa số 24a thì thửa 24 và thửa 24a đều chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Báo cáo số 51/BC–TNMT ngày 27 tháng 6 năm 2006 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ thì thửa số 24a do ông Võ Văn C đăng ký đã bị Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi để xây dựng mương thoát nước, phần đất còn lại nằm trên hành lang bảo vệ mương *(BL 245, 247).* Theo lời khai của ông Võ Văn C, bà Đặng Thị X: *"đến năm 2001, lô đất của tôi nằm trong hành lang*

mương thoát nước, theo Công văn số 328 ngày 8/8/2001 – UBND huyện xác nhận đền bù 25.500.000…quá trình làm mương xong, phần đất của tôi vẫn còn nguyên không bị mất" (BL: 14 - 16, 48 – 49). Ngày 21 tháng 8 năm 2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ lập biên bản về việc ông L xây dựng trái phép trên thửa đất 24a của ông C *(BL 407).* Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện Đ tiến hành cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính, ngày 7 tháng 3 năm 2008, Ủy ban nhân dân xã Đ lập biên bản giao mặt bằng *(giao đất cho ông* Võ Văn C*),* kèm theo trích lục *(BL 417, 418)* thể hiện diện tích đất được giao 200m^2, có tứ cận: phía Đông giáp ĐT 607, chiều ngang 5m, phía Tây giáp phần đất còn lại thửa số 24: 5m, *phía Bắc giáp mương tiêu nước Khu Công nghiệp dài 40m,* phía Nam giáp diện tích đất còn lại ONT 24 chiều dài 40m. Ngày 12 tháng 8 năm 2008, ông Võ Văn C làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 200m^2, thửa 24a, tờ bản đồ số 3, được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận nguồn gốc là *"nhận chuyển nhượng của ông* Võ Kim L*" (BL 25);* trích lục bản đồ kèm theo đơn này *(BL 26)* thể hiện diện tích đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tứ cận: Đông giáp ĐT 607, Tây và Nam giáp phần còn lại của ONT 24*, Bắc giáp mương tiêu nước.*

Ngày 09 tháng 9 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m^2 *(5x40);* sơ đồ thửa đất thể hiện trong Giấy chứng nhận, trong đó *phía Bắc thửa đất giáp mương tiêu.* Sau khi thụ lý vụ án, Ủy ban nhân dân phường Đ xác nhận *(BL 1568): "theo hồ sơ quản lý đất đai từ năm 1998 đến nay, phía Bắc thửa đất số 24A, tờ bản đồ số 3, Quyết định 131/QĐ – UB ngày 10 tháng 3 năm 1998 của ông* Võ Văn C *và bà* Đặng Thị X *giáp với mương tiêu thoát nước* KCN Đ - Đ *và không có khoảng đất trống vô chủ nào khác…".*

Như vậy qua các thời kỳ, từ khi nhận chuyển nhượng *(1997),* đến khi đăng ký kê khai theo Nghị định 64/CP, trước và sau khi thi công Dự án mương thoát nước, được giao đất sau cưỡng chế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, thì thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 3 không biến động về vị trí, tứ cận, diện tích. Trong đó, *phía Bắc thửa đất này giáp với mương tiêu thoát nước*, không có thông tin địa chính khẳng định có đất thuộc hành lang mương, không giáp với bất kỳ diện tích đất nào khác.

[2.3]. Sau khi thụ lý lại vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 152,7m^2 ở vị trí số 2, có tứ cận: phía Đông giáp đường ĐT 607, rộng 5m; phía Tây giáp đất còn lại của thửa 24, rộng 5,02m, phía Bắc giáp khoảng đất trống thuộc vị trí số 1, dài 31,91m *(diện tích khoảng đất trống thuộc vị trí số 1 là 135m^2, mặt tiền giáp đường tính từ mép mương tiêu về phía đất tranh chấp là 3,42m, phía Bắc khoảng đất này giáp mương tiêu),* phía Nam giáp đất còn lại của thửa 24, dài 30,25m. Sau khi có kết quả đo vẽ theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, cán bộ đo vẽ tiến hành lồng ghép diện tích đất đã xem xét, thẩm định với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 thì vị trí đất tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nằm ngoài phạm vi vị trí đất của thửa 24a, tờ bản đồ số 3 mà nguyên đơn nhận chuyển nhượng của hộ ông Võ Kim L năm 1997 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008. Như vậy diện tích đất tranh chấp

152,7m^2 mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại không thuộc thửa số 24a, tờ bản đồ số 3 mà ông Võ Văn C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008.

[2.4]. Nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp trên thực tế nguyên đơn được chính quyền giao sau khi cưỡng chế đối với ông L và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 nên yêu cầu bị đơn trả nguyên thửa, không tranh chấp do lấn chiếm một phần thửa đất và các đương sự không thống nhất với nhau về vị trí thửa đất. Hội đồng xét xử thấy:

- Tại biên bản vi phạm hành chính về đất đai số 26/BB – VPHC ngày 21 tháng 8 năm 2006 *(BL 407)*, cấp có thẩm quyền xác định *"hộ ông* L *xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, trồng cây cối trái phép trên số thửa 24A, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m^2 đất HLGT 50m^2, còn lại 150m^2"* và bản vẽ cuối biên bản này thể hiện vị trí thửa 24a có mặt tiền giáp đường 5m, cách kênh thoát nước một khoảng đất trống. Các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan có thẩm quyền cung cấp liên quan đến xây dựng, quản lý, sử dụng mương tiêu thoát nước KCN Đ – Điện Ngọc cho thấy: tại thời điểm lập biên bản xử lý vi phạm hành chính chưa có quyết định, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền tổ chức cắm mốc, xác định phạm vi đất hành lang của kênh thoát nước (sau khi xây dựng xong) theo quy định tại Điều 92 Nghị định 181/2004/NĐ – CP ngày 29 tháng 10 năm 2004, Điều 45 Nghị định 186/2004/NĐ – CP ngày 05 tháng 11 năm 2004. Do đó: phần nội dung "phân định, hình thành trên bản vẽ đất hành lang mương và xác định khoảng cách giữa mương tiêu với thửa 24a" trong biên bản ngày 21 tháng 8 năm 2006 chưa có cơ sở pháp lý và diện tích thửa 24a thể hiện trong biên bản vi phạm hành chính này không đúng với vị trí, phạm vi thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 3 mà ông Võ Văn C nhận chuyển nhượng của hộ ông L năm 1997 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008.

- Ông Võ Văn C cho rằng xây tường rào sau khi chính quyền cưỡng chế và giao đất cho ông C. Ủy ban nhân dân phường Đ thì cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà X là *"...căn cứ Công văn số 06/CV–UBND ngày 04 tháng 01 năm 2008 của* Ủy ban nhân dân huyện Đ*..." (BL 247)*. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ báo cáo rằng: *"ngày 11 tháng 12 năm 2007, UBND huyện đã tổ chức cưỡng chế trên diện tích đất mà hộ ông* Võ Kim L *đã lấn chiếm và bàn giao mặt bằng cho* UBND xã Đ *quản lý. Ngày 04 tháng 01 năm 2008, UBND huyện có Công văn số 06/UBND yêu cầu bàn giao lô đất tại* thôn A, xã Đ *đang quản lý cho ông* Võ Văn C*..."*. Kiểm tra, đối chiếu nội dung Công văn số 06/UBND *(BL 17)*, đơn xin cứu xét của ông Võ Văn C *(BL 18)* và trích lục bản đồ kèm theo Biên bản bàn giao mặt bằng lập ngày 01 tháng 3 năm 2018 *(BL 20)* thì phía Bắc của diện tích đất mà ông C nhận bàn giao của Ủy ban nhân dân xã Đ *giáp mương tiêu*, không thể hiện thông tin về đất hành lang mương hay có một khoảng đất trống nào khác nằm giữa mương tiêu và diện tích đất được bàn giao. Như vậy, diện tích đất mà ông C xây hàng rào trên thực địa không nằm trên phạm vi, vị trí diện tích đất mà ông C được Ủy ban nhân dân xã Đ bàn giao sau khi cưỡng chế theo Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 01 tháng 3 năm 2018.

[2.5]. Năm 2017, ông Võ Văn C đã 02 lần nhận tiền bồi thường của nhà nước khi nhà nước thu hồi 41,5m^2 của thửa 24a, tờ bản đồ số 3 để làm đường ĐT 607. Hồ sơ thu hồi đất, bồi thường và nội dung xác minh tại cơ quan có thẩm quyền xác định diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa 24a, tờ bản đồ số 3 mà ông Võ Văn C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không chồng lấn lên diện tích đất hộ ông Võ Kim L bị thu hồi, được bồi thường thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 3. Theo đó, không có chứng cứ chứng minh ông Võ Văn C được cơ quan có thẩm quyền bồi thường khi thu hồi đất liên quan đến diện tích đất bị thu hồi gắn với phần đất tranh chấp 152,7m^2 *(vị trí số 2),* phía giáp đường Đ.

Từ các nhận định trên xác định: diện tích đất tranh chấp 152,7m^2 không thuộc thửa 24a, tờ bản đồ số 3, tại phường Đ mà ông Võ Văn C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008; ông Võ Văn C không phải là người sử dụng đất tranh chấp hợp pháp theo quy định tại các khoản 11, 19, 20 Điều 4, các Điều 9, 46, 50, 51 Luật Đất đai năm 2003 nên không có các quyền của người sử dụng đất được quy định tại các điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2003 và các Điều 166, 167, 168 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy trên cơ sở các văn bản, quyết định hiện có mà các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành và thực hiện trong quá trình lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính, thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với ông Võ Kim L, việc lập hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C đối với thửa đất số 24a, tờ bản đồ số 3, việc thu hồi đất thực hiện Dự án mương thoát nước…và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án thì không có cơ sở để xác định thửa đất mà theo nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại là của nguyên đơn.

Để đảm bảo quyền, lợi hợp pháp của người đang sử dụng đất và lợi ích của nhà nước liên quan trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Đ thanh tra, kiểm tra toàn bộ quá trình thu hồi đất thực hiện Dự án mương thoát nước, việc lập hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C, việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông Võ Kim L theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại thửa đất có diện tích đất tranh chấp 158,5m^2 (trên thực địa là 152,7m^2) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố dụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ văn C2 và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 28/12/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ các điều 13, 26, 39, 34, 68, 72, 92, 192, 217, 221 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163, 208, 219, 221, 224 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 11, 19, 20 Điều 4, các điều 2, 9, 46, 50, 51, 73, 105, 106 Luật Đất đai năm 2003; các điều 5, 32, 39, 100, 101, 166, 167, 168, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 92 Nghị định 181/2004/NĐ – CP ngày 29 tháng 10 năm 2004; các điều 12, 45 Nghị định 186/2004/NĐ – CP ngày 05 tháng 11 năm 2004; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 2, Điều 17 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

2.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Võ Kim L (Giới) về việc buộc ông Võ Văn C liên đới với Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường thiệt hại cho ông Võ Kim L (Giới) 366.393.000 đồng và công khai xin lỗi ông Võ Kim L (Giới) do việc cưỡng chế trái pháp luật. Quyền khởi kiện của ông Võ Kim L (Giới) đối với yêu cầu này được đảm bảo khi có đủ điều kiện khởi kiện và còn thời hiệu theo pháp luật quy định.

2.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn C về việc buộc bị đơn Võ Kim L (G) trả lại quyền sử dụng diện tích đất 158,5m^2 *(diện tích trên thực địa là 152,7m^2),* hiện do ông Võ Kim L (Giới) đang quản lý, sử dụng trong cùng thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, tại thôn C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam *(vị trí, tứ cận, diện tích đất tranh chấp được xác định trên bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm)*.

2.3. Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện *(nay là thị xã)* Điện Bàn cấp cho ông Võ Văn C năm 2008, đối với thửa đất số 24A, tờ bản đồ số 3, tại phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Đ, kiểm tra toàn bộ quá trình thu hồi đất thực hiện Dự án mương thoát nước, lập hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C đối với thửa đất số 24A, tờ bản đồ số 3 và quá trình phát hiện, lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính, thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với ông Võ Kim L (Giới) để kết luận, xử lý đúng pháp luật, phù hợp với thực tế sử dụng đất của đương sự, đảm bảo quyền lợi của công dân và lợi ích của nhà nước, đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định, hành vi hành chính đã ban hành, thực hiện liên quan đến toàn bộ sự việc trên.

3. Về án phí: ông Võ Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000314 ngày 13/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam; ông Võ Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp